TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 31/03/2025
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 24/03/2025 và ngày 31/03/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 892/2024/TLST-DS ngày 27/12/2024 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-DS ngày 14/02/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 59/2025/QĐST-DS, ngày 05/03/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trụ sở chính: Số 8, đường Láng H, Phường Láng H, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 2, số 17-17, đường Hùng V, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D: Ông Đỗ Thành Tr. Chức Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp (Văn bản ủy quyền số 38a/2024/UQN-CTQT, ngày 01/6/2024).

Người đại diện theo uỷ quyền của của ông Tr là: Anh Châu Nhật Tr – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng 2, số 17-17, đường Hùng V, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản uỷ quyền số 21/2024/UQN-CTQT, ngày 26/11/2024).

- Bị đơn: Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: số nhà 202, đường Ngô Thời Nh, tổ 41, khóm 8, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Châu Nhật Tr là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có mặt; Anh Nguyễn Hoàng S là bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tại phiên hoà giải và tại phiên toà Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần A (có anh Châu Nhật Tr là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn) trình bày:***

- Vào ngày 25/3/2022, anh Nguyễn Hoàng S có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng tín dụng số LN2204055514872, số tiền vay là 367.500.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng, ngày giải ngân là ngày 07/4/2022, ngày hết hạn là 7/4/2026. Sau khi vay tiền anh S trả được số tiền 76.476.505 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 06/10/2023. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu anh Sang thanh toán nhưng đến nay anh S vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 31/03/2025, anh S còn nợ của Ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 291.023.495 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn: 155.573.985 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn: 77.786.992 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là 524.384.472 đồng.

- Ngoài ra, anh S còn ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử theo hợp đồng thẻ tín dụng số 139-P-1300188, ngày 25/11/2021 với hạn mức là 300.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2022, anh S ký hợp đồng nâng hạn mức thẻ tín dụng lên số tiền là 350.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/03/2025 anh Sang còn nợ số tiền cụ thể như sau:

+ Tiền gốc: 349.918.812 đồng.

+ Tiền lãi trong hạn: 160.483.313 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn: 80.241.656 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi là: 590.643.781 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP A (có anh Châu Nhật Tr là người đại diện theo uỷ quyền) yêu cầu buộc anh Nguyễn Hoàng S phải trả tổng số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay tính đến ngày 31/03/2025 là 1.115.028.253 đồng (trong đó tiền gốc là 640.942.307 đồng và tiền lãi là 474.085.946 đồng).

Đồng thời, buộc anh S phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

*** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S trình bày:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hoàng S nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh S cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự tín dụng. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S có địa chỉ tại số nhà 202, đường Ngô Thời N, tổ 41, khóm 8, Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Hoàng S là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A yêu cầu anh S trả số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay là 1.115.028.253 đồng (trong đó tiền gốc là 640.942.307 đồng và tiền lãi là 474.085.946 đồng) và lãi quá hạn phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả dứt khoản nợ theo lãi suất quy định tại theo hợp đồng tín dụng số LN2204055514872, ngày 25/3/2022 và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử theo hợp đồng thẻ tín dụng số 139-P-1300188, ngày 25/11/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 25/3/2022, anh Nguyễn Hoàng S có ký hợp đồng tín dụng số LN2204055514872, số tiền vay là 367.500.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng, ngày giải ngân là ngày 07/4/2022, ngày hết hạn là 7/4/2026. Sau khi vay tiền anh S trả được số tiền 76.476.505 đồng, kể từ ngày 06/10/2023 anh S không thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 31/03/2025, anh Sang còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi là 524.384.472 đồng.

Ngoài ra, anh S còn ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử theo hợp đồng thẻ tín dụng số 139-P-1300188, ngày 25/11/2021 với hạn mức là 300.000.000 đồng. Đến ngày 10/5/2022, anh Sang ký hợp đồng nâng hạn mức

thẻ tín dụng lên số tiền là 350.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh Sang đã không thanh toán đúng theo quy định. Tính đến ngày 31/03/2025, anh S còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi là 590.643.781 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hai khoản vay nêu trên kể từ ngày 06/10/2023. Đến ngày 27/11/2024, Ngân hàng TMCP A có ra Thông báo số 03/2024/VPB.LCC.MN về việc thu hồi nợ trước hạn và khởi kiện khách hàng nhưng anh S vẫn không thanh toán khoản nợ cho phía Ngân hàng.

Như vậy, từ khi ký hợp đồng cho đến nay anh S không thanh toán đúng như nghĩa vụ giao kết giữa anh S với Ngân hàng là vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ của chủ thẻ và theo hợp đồng tín dụng tại hợp đồng tín dụng số LN2204055514872, ngày 25/3/2022 và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử theo hợp đồng thẻ tín dụng số 139-P-1300188, ngày 25/11/2021 nên căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015 anh Sang phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Xét việc Ngân hàng tính các khoản lãi quá hạn nêu trên dựa vào các thỏa thuận đối với khách hàng là phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của tổ chức tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP).

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Do đó, buộc anh S phải trả cho Ngân hàng TMCP A tổng số tiền gốc và lãi là 1.115.028.253 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tại hợp đồng tín dụng số LN2204055514872, ngày 25/3/2022 và giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử theo hợp đồng thẻ tín dụng số 139-P-1300188, ngày 25/11/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay theo Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 209 và Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 280, Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc anh Nguyễn Hoàng S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi là 1.115.028.253 đồng (Một tỷ một trăm mười lăm triệu không trăm hai mươi tám nghìn hai trăm năm mươi ba đồng).

Anh Nguyễn Hoàng S có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LN2204055514872, ngày 25/3/2022 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ Ngân hàng điện tử theo hợp đồng thẻ tín dụng số 139-P-1300188, ngày 25/11/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hoàng S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.450.847 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn tám trăm bốn mươi bảy đồng).

Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.175.000 đồng (Hai mươi triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013187 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Huế